

GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TỪ LÁY TRONG TRUYỆN THIẾU NHI NGUYỄN HUY TƯỜNG

LÊ NHẬT KÝ*

Trong truyện viết cho thiếu nhi, Nguyễn Huy Tường sử dụng nhiều từ láy đôi, phù hợp với khả năng tiếp nhận của bạn đọc nhỏ tuổi. Dấu ấn sáng tạo của nhà văn được thể hiện qua việc kiến tạo một số từ láy tự, hoặc ở cách kết hợp với những từ ngữ khác. Từ láy làm cho nội dung miêu tả trở thành một lớp văn cơ bản trong tác phẩm của Nguyễn Huy Tường. Nhờ vậy, hiện thực đời sống lao động và chiến đấu của cha ông xưa đã được tái hiện một cách cụ thể, sinh động trong những câu văn giàu hình tượng và biểu cảm.

Từ khóa: Nguyễn Huy Tường, từ láy, truyện thiếu nhi, miêu tả, biểu cảm

Nhận bài ngày: 12/12/2018; *đưa vào biên tập:* 1/1/2019; *phản biện:* 5/3/2019; *duyet đăng:* 31/7/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG TỪ LÁY TRONG TRUYỆN THIẾU NHI NGUYỄN HUY TƯỜNG

Truyện viết cho thiếu nhi là một thành tựu quan trọng của Nguyễn Huy Tường (1912 - 1960). Với nhóm tác phẩm này, nhà văn mong muốn đem đến cho các em những trang viết hấp dẫn, cụ thể về lịch sử oai hùng của cha ông qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Vì thế, ông “đã không tiếc công vận dụng khả năng

miêu tả của mình để cho nó được hiển thị như những thước phim điện ảnh” (Lê Huy Anh, 2001: 304). Có thể nói, chủ đích miêu tả nói trên đã mở đường cho từ láy thâm nhập vào truyện thiếu nhi của tác giả một cách thường xuyên tạo nên phong cách truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tường. Qua từng sáng tác, nhà văn đã không ngừng phát huy tối đa nguồn lực từ lớp từ này, khiến cho tác phẩm trở nên dồi dào âm thanh, hình ảnh và ngôn từ tinh tế.

Qua 10 truyện ngắn tiêu biểu của nhà văn Nguyễn Huy Tường (2013),

* Trường Đại học Quy Nhơn.

chúng tôi tổng hợp được tổng cộng 739 từ láy, 1.225 lượt dùng, cụ thể như sau:

TT	Tác phẩm	Số từ láy	Số lượt dùng
1	<i>Cô bé gan dạ</i>	143	161
2	<i>Chiếc bánh chưng</i>	82	96
3	<i>Truyện Tấm Cám</i>	99	114
4	<i>Tìm mẹ</i>	49	61
5	<i>Thằng Quáy</i>	76	87
6	<i>Con Cóc là cậu ông Giời</i>	69	88
7	<i>Con chim Trĩ lông trắng</i>	19	20
8	<i>An Dương Vương xây thành Ốc</i>	86	108
9	<i>Hai bàn tay chiến sĩ</i>	116	133
10	<i>Kể chuyện Quang Trung</i>	303	357
Tổng cộng			1.225

Thống kê cho thấy, từ láy được dùng ở mỗi tác phẩm ít nhiều có khác nhau. Điều này tùy thuộc vào dung lượng hiện thực mà nhà văn mong muốn thể hiện. Ví như truyện *Con chim Trĩ lông trắng*, Nguyễn Huy Tưởng chỉ tập trung vào nội dung chuyện con chim Trĩ “nhớ nước đã bỏ cành tuyết của phương Bắc bay về phương Nam với nắng vàng rực rỡ”. Nội dung ngắn gọn, được diễn tả trong khoảng 800 chữ nên số lượng từ láy dùng khá khiêm tốn (19 từ, 20 lượt dùng). Trong khi đó, ở *Kể chuyện Quang Trung*, nhà văn huy động tới gần 14.000 chữ để tái hiện cả một cuộc chiến chống ngoại xâm phương Bắc, bắt đầu từ cảnh

đoàn quân áo vải hành quân thần tốc từ Phú Xuân ra Thăng Long cho đến các trận đánh ở Ngọc Hồi, Hạ Hồi... Theo đó, số lượng từ láy được khai thác nhiều nhất, gấp nhiều lần so với 9 tác phẩm của ông đã được thống kê: 303 từ láy, 357 lượt dùng.

Đặc điểm nổi bật của hệ thống từ láy trong truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng là sự sáng rõ về ý nghĩa, không cầu kỳ về hình thức như vẫn thường gặp trong thơ văn dành cho các đối tượng độc giả khác. Đó là kết quả lựa chọn của Nguyễn Huy Tưởng từ nguồn từ vựng phổ biến sao cho vừa đạt được yêu cầu miêu tả, vừa phù hợp với đối tượng bạn đọc thiếu nhi.

Dấu ấn sáng tạo của nhà văn được thể hiện ở cách điều phối, kết hợp từ ngữ với hai biểu hiện cơ bản sau đây:

- Thứ nhất, kết hợp từ láy với từ láy, kiểu như: hải hùng ngàn ngút, hoang mang khủng khiếp, hoan hô vui vẻ (*Kể chuyện Quang Trung*), nhẹ nhàng uyển chuyển (*Chiếc bánh chưng*), um tùm lạnh lẽo (*An Dương Vương xây thành Ốc*)... Trong trường hợp này, các từ láy được đặt cạnh nhau và không bị phân cách bởi dấu phẩy. Kết quả, chúng lập thành một tổ hợp ngôn ngữ “lâm thời” có dáng dấp của từ láy tư. Nguyễn Huy Tưởng đã thực hiện cách tổ hợp này tới 26 lần, làm gia tăng đáng kể khả năng miêu tả và biểu cảm của từ láy.

- Thứ hai, kết hợp từ láy với một số từ ngữ khác vốn ít gặp trong giao tiếp thường ngày cũng như trong sáng tác

văn chương. Cụ thể như những trường hợp sau: nhai gau gáu (*Cô bé gan dạ*), khóc nhéch nhác (*Con Cóc là cậu ông Giời*), đốt quấy quấy (*Hai bàn tay chiến sĩ*), đồ ngàu ngàu, ướt luốt tuốt, chạy thang lang (*Kể chuyện Quang Trung*)...

Những kết hợp có phần táo bạo ở trên không vi phạm quy chuẩn về sự trong sáng của tiếng Việt, tạo được ấn tượng mạnh cho người đọc về phương diện ngôn ngữ tác phẩm. Đó chính là sự sáng tạo ngôn ngữ của Nguyễn Huy Tưởng.

2. GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TỪ LÁY TRONG TRUYỆN THIẾU NHI NGUYỄN HUY TƯỜNG

2.1. Giá trị miêu tả

Như đã nói, chú trọng miêu tả là phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng khi tái hiện thế giới cổ tích và lịch sử cho thiếu nhi. Xuất phát từ đặc điểm tiếp nhận của bạn đọc thiếu nhi, Nguyễn Huy Tưởng đã chọn lối văn miêu tả ngắn gọn, đủ để các em ghi nhớ về đặc điểm diện mạo và phẩm chất của đối tượng. Cổ nhiên, nhà văn sẽ phải sử dụng nhiều loại từ khác nhau vào việc phục vụ yêu cầu miêu tả. Riêng với từ láy, không thể phủ nhận nó có ưu thế vượt trội khi giúp nhà văn chạm khắc đối tượng một cách sắc nét, hiệu quả. Không phải ngẫu nhiên mà trong truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng, chúng ta bắt gặp nhiều câu, đoạn văn có mật độ từ láy dày đặc. Đơn cử:

“Mặt Giăng đang đỏ rực như lửa, bỗng mờ mờ đi, sáng nhạt nhạt, dịu

dàng, mát mẻ, hiền lành” (*Thằng Quấy*);

“Hai bàn tay bị đốt quấy quấy. Anh thít lên. Hai hàm răng anh nghiến lại. Thịt anh bắt đầu cháy xèo xèo, khét khét như mùi súc vật bị thui” (*Hai bàn tay chiến sĩ*);

“Nhưng dưới khe sâu, người bố kêu thê thảm: Chúa làng giết tôi rồi! Và lá rừng rì rào: Chúa làng giết người! Núi thì thảm: Chúa làng giết người! Khe sâu róc rách: Chúa làng giết người!” (*Tìm mẹ*).

Miêu tả được Nguyễn Huy Tưởng thực hiện thường xuyên trong mọi tác phẩm viết cho thiếu nhi. Nhờ vậy, truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng tạo được khoảng cách nghệ thuật cần thiết so với truyện kể dân gian vốn bị phương thức truyền miệng chi phối nên chấp nhận dừng lại ở mức độ trần thuật khái quát. Nói cách khác, truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng được viết theo phong cách tự sự hiện đại, dành cho các độc giả có đủ khả năng tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm. Với những yếu tố ngoài cốt truyện, nhà văn, đặc biệt chú ý phát triển, gia tăng miêu tả thiên nhiên, miêu tả ngoại hình và đời sống tâm lý nhân vật...

Trong di sản truyện thiếu nhi của Nguyễn Huy Tưởng, có năm tác phẩm được ông sáng tác theo cách thức viết lại truyện cổ dân gian. Đó là các truyện: *Chiếc bánh chưng*, *Tìm mẹ*, *Con Cóc là cậu ông Giời*, *Truyện Tấm Cám* và *An Dương Vương xây thành Ốc*. Theo Nguyễn Thị Huế, truyện

Nguyễn Huy Tưởng “được viết ra từ nguồn truyện kể dân gian nhưng [...] đã được ông đem thêm vào đó luồng không khí mới của văn chương và của tư tưởng thời đại, tạo nên những tác phẩm có sức hấp dẫn đối với mọi đối tượng bạn đọc” (Nguyễn Thị Huệ 2014). Làm nên “sức hấp dẫn” đó, không thể phủ nhận vai trò của các từ láy đã được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng trong tác phẩm của mình.

Lấy ví dụ truyện *Con Cóc là cậu ông Giời*. Trong truyện này, Nguyễn Huy Tưởng sử dụng tổng cộng 69 từ láy với 88 lượt dùng. Ngay từ đầu tác phẩm, dấu ấn miêu tả của ngòi bút Nguyễn Huy Tưởng bộc lộ rõ qua việc kể về cảnh hạn hán: “Ngày xưa ngày xưa, thuở ấy thế gian chưa có người, mới chỉ có cây cỏ, chim muông và các giống thú. Cây cỏ đang xanh, chim chóc đang bay lượn, ếch nhái đang nhảy nhót, thú dữ đang nghêu ng Hayden đi từng đàn từng lũ, thì Giời ra tai một cơn hạn hán chưa từng có bao giờ. Cơn hạn hán ấy kéo hết tháng này đến tháng khác. Trên không, lúc nào cũng chỉ thấy mặt trời đỏ rực như cục than hồng, cháy rừng rực, rừng rực. Quả đất ngày cũng như đêm phừng phừng lửa. Ao chuôm sông ngòi bỗng cạn khô. Cây cỏ đang xanh bỗng cháy trụi. Ếch nhái đang nhảy nhót bỗng chết khô trong ao. Thú dữ đang nghêu ng Hayden đi từng đàn từng lũ bỗng nằm lẫn cả trong rừng trong núi”. Đối chiếu với đoạn văn tương tự sau đây trong truyện kể dân gian *Cóc kiện Trời*: “Nhưng đã ba năm nay,

không có một giọt mưa nào. Khắp nơi đất đai nứt nẻ, cây cỏ khát nước chết rụi, các con thú cũng chết dần chết mòn vì khát. Muôn loài đều kêu than ai oán, vậy mà trời đâu có thấu” (Viện Văn học 2007: 29), có thể thấy sự khác biệt về miêu tả là khá rõ. Cụ thể, cả đoạn văn từ láy chỉ được sử dụng một lần là “đất đai nứt nẻ” khi miêu tả về tình trạng hạn hán. Trong khi đó, đoạn văn của Nguyễn Huy Tưởng sử dụng các từ láy rừng rực, hạn hán, phừng phừng, nhảy nhót, nghêu ng Hayden tới 9 lần, vừa theo phương thức lặp lại, vừa bố trí chúng vào các câu văn có quan hệ đối lập về ngữ nghĩa. Nghệ thuật điệp và đối như vậy đã mang lại hiệu quả miêu tả rõ rệt. Cảnh hạn hán và nỗi điều đứng của muôn vật dưới ánh mặt trời qua ngòi bút Nguyễn Huy Tưởng hiện ra thật khủng khiếp, đáng sợ!

Tương tự, khi khắc họa nhân vật Tám (*Truyện Tám Cám*), Nguyễn Huy Tưởng cũng sử dụng nhiều từ láy có tác dụng làm toát lên vẻ đẹp của một cô gái được sinh ra trong một gia đình có cha mẹ giàu lòng nhân ái: kháu khỉnh, dịu dàng, hồng hồng, chăm chỉ, ngoan ngoãn, thực thà, rực rỡ... Khi cha mẹ mất, Tám phải sống cuộc đời đầy đọa dưới bàn tay độc ác của mẹ con dì ghẻ, nhà văn lại huy động tới những từ láy khác phù hợp hơn để diễn tả: làm lụng, đánh đập, thảm thiết, phũ phàng, nức nở, rách rưới... Dường như mọi lớp truyện, mọi chi tiết của truyện kể dân gian đều được Nguyễn Huy Tưởng tìm cách phát huy,

phát triển bằng năng lực tưởng tượng và vốn sống phong phú của bản thân nhà văn. Với sự ưu tiên như vậy nên so với cả một số cây bút hiện đại cùng khai thác đề tài truyện cổ, trung thành với lối viết trần thuật khái quát, thông tin ngắn gọn về nhân vật, sự việc thì Nguyễn Huy Tưởng vẫn có những khác biệt nhất định. Nguyễn Huy Tưởng chú tâm phát triển nhằm làm cho nội dung hiện thực được hiển thị chi tiết hơn, cụ thể hơn. Nhà văn Phong Thu có lý khi viết rằng: “Truyện kể miệng, có thể vắn tắt lướt qua. Nhưng truyện viết để đọc thì viết như *Con Cóc là cậu ông Giời*, giá trị văn học mới cao” (Phong Thu, 1999: 347). Nhận xét trên là về một tác phẩm cụ thể nhưng phù hợp với những trường hợp còn lại như *An Dương Vương xây thành Ốc*, *Tìm mẹ*, *Chiếc bánh chưng*...

Đối tượng miêu tả của Nguyễn Huy Tưởng trong truyện thiếu nhi bao gồm thiên nhiên ngoại cảnh, nhân vật và các sự kiện đời sống sinh hoạt và lịch sử. Như vậy, giá trị miêu tả của từ láy sẽ được xem xét dựa trên khả năng khắc họa từng đối tượng cụ thể đó. Là một ngòi bút có khuynh hướng sử thi hoành tráng nên dù viết về đề tài gì, Nguyễn Huy Tưởng đều “dồn” cho đối tượng những đường nét, tầm vóc hoặc được bao bọc bởi vàng hào quang lịch sử. Lưu ý tới điều này để thấy việc lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ nói chung, từ láy nói riêng của Nguyễn Huy Tưởng cũng bị chi phối sâu sắc từ nguồn cảm hứng đậm chất sử thi này.

Trong *An Dương Vương xây thành Ốc*, người đọc thật sự hứng khởi với đoạn văn tả nhà vua cùng thần Kim Quy trở thẳng kiếm đi diệt Kê tinh: “Nói xong, Kim Quy trở thẳng kiếm tiến lên phía trước. Lưỡi kiếm sáng như ánh giăng. An Dương Vương cũng trở thẳng kiếm, tiến sau. Lưỡi kiếm cũng sáng như ánh giăng. Hai lưỡi kiếm lấp loáng trong đêm tối. Vua và Kim Quy chạy như bay về gò Ông Cô”. Ở đoạn văn này, câu văn sử dụng từ láy *lấp loáng* thực sự là một điểm sáng, diễn tả được sự đồng hành tuyệt đối giữa thần và người trong cuộc chiến chống lại cái ác. Ở nghĩa trực tiếp, từ láy *lấp loáng* diễn tả sự hòa điệu của ánh sáng từ hai lưỡi kiếm, “chiếu thành vệt lúc ngắn lúc dài, khi có khi không, liên tiếp” (Viện Ngôn ngữ học 2001: 554). Trên nền nghĩa như vậy, người đọc nhận thấy hình tượng An Dương Vương bỗng nổi bật lên, đẹp hơn với tư thế của một con người chủ động, quyết đoán, dám đối diện với thế lực hắc ám. Về kỹ thuật, câu văn “Hai lưỡi kiếm lấp loáng trong đêm tối” là sự chuyển đổi hình thức miêu tả khác, tránh được cảm xúc đơn điệu nếu nhà văn tiếp tục lặp lại lần nữa cách nói “Lưỡi kiếm sáng như ánh giăng”.

Ở truyện *Kể chuyện Quang Trung*, hệ thống từ láy khắc họa cảm hứng sử thi hoành tráng được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng một cách đa dạng. Trước hết, đó là miêu tả thiên nhiên ngoại cảnh trên tư cách môi trường vận động của các nhân vật. Ông nói về “những vùng mây bụi đỏ ngầu

ngầu”; về những con sông “tiếng sóng ùng ùng”, “nước mênh mông lẫn vào trong bóng tối mịt mù”; về “con đường thiên lý gập ghềnh, khuất khúc”; về “những cánh đồng trơ gốc rạ mênh mông bát ngát” và cảnh kinh thành “đang cháy ngùn ngụt”... Trên nền không gian ấy, nhà văn lần lượt khắc họa vẻ đẹp của người lính Tây Sơn với những gương mặt “lì lợm, dạn dày sương gió”, lúc nào cũng “đăm đăm nhìn về phía trước”, lúc chiến đấu thì “thoăn thoắt trèo thang lên ùn ùn”. Trái lại, về kẻ thù, Nguyễn Huy Tưởng cũng dùng không ít những từ láy để miêu tả bản chất đốn hèn khi lâm trận: “chúng mếu máo gọi nhau”, “viên tướng run rẩy chạy ra”, “chúng cứ chạy lúng túng như ếch vào xiếc”, “phó tướng hốt hơ hốt hải chạy lại”... Những từ láy kể trên hầu hết đều hướng tới diễn tả cái động, diễn tả các sự kiện đang trong quá trình diễn biến. Nói cách khác, Nguyễn Huy Tưởng ít khi miêu tả hiện thực yên ả, trầm lặng mà hứng thú hơn với cái dữ dội, ẩn chứa nhiều biến động bất ngờ.

Cố nhiên, sức mạnh của mỗi từ láy luôn phụ thuộc vào cách dùng linh hoạt của Nguyễn Huy Tưởng. Thường khi cần nhấn mạnh, nhà văn sẽ đặt từ láy ở trước động từ (thút thít khóc); lặp lại nhiều lần (ví dụ, trong *Thằng Quấy*, từ láy *trùng trùng* được nhắc tới 10 lần để tả ngoại hình nhân vật Quấy); hoặc kết hợp với so sánh để ý nghĩa thêm sáng rõ (lộng lẫy hơn ánh sáng, nhón nhác như đàn gà). Sự linh hoạt cũng thể hiện ở việc nhà văn sử

dụng những từ láy đồng nghĩa hay gần nghĩa, kiểu như: vui vẻ/vui vầy, mênh mông/mênh mang... Với bạn đọc vốn ưa thích sự mới mẻ thì cách diễn đạt này là khá phù hợp.

Cũng cần nói thêm, trong một số trường hợp, từ láy có tác dụng nhân hóa sự vật, tạo nên sự hòa điệu giữa cái nhìn của nhà văn với cái nhìn của trẻ thơ. Có thể kể tới từ láy trong một số đoạn văn sau: “Nhưng dưới khe sâu, người bố kêu thê thảm: Chúa làng giết tôi rồi! Và lá rừng rì rào: Chúa làng giết người! Núi thì thầm: Chúa làng giết người! Khe sâu róc rách: Chúa làng giết người!” (*Tìm mẹ*); “Những làng mạc chung quanh ngỡ ngác chưa biết chuyện gì...” (*Kể chuyện Quang Trung*).

Như vậy, miêu tả là một giá trị nổi bật của truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng, là kết quả dụng công của một ngòi bút muốn tái hiện đời sống hiện thực một cách cụ thể, sinh động. Từ những trang văn miêu tả như vậy, bạn đọc còn cảm nhận được thái độ, tình cảm đầy tin yêu của nhà văn đối với cuộc sống.

2.2. Giá trị biểu cảm

Theo Hà Quang Năng: “Mỗi từ láy chứa đựng trong mình một sự thể hiện tinh tế, sinh động về sự cảm thụ chủ quan, về cách đánh giá và thái độ của người nói trước sự vật và hiện tượng của đời sống xã hội” (Hà Quang Năng, 2005: 3). Điều này có ý nghĩa tương đồng khi nói về giá trị biểu cảm của từ láy trong truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng.

Khác dân gian, Nguyễn Huy Tưởng trần thuật câu chuyện bằng giọng điệu nhuốm màu sắc chủ quan, thể hiện rõ cái yêu cái ghét của bản thân đối với từng nhân vật và sự kiện. Với đặc điểm trần thuật như vậy, Nguyễn Huy Tưởng tất yếu sẽ sử dụng từ láy như một giải pháp căn bản. Theo quan sát của chúng tôi, giá trị biểu cảm của từ láy trong truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng thể hiện qua hai hình thức tổ chức ngôn ngữ của nhà văn.

Trước hết, từ láy xuất hiện trong các đoạn văn có tính chất trữ tình ngoại đề, là lời trò chuyện trực tiếp của nhà văn với bạn đọc. Hình thức này được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng ở khá nhiều tác phẩm, như: *Chiếc bánh chưng*, *Con Cóc là cậu ông Giời*, *Hai bàn tay chiến sĩ*... Thường những đoạn trữ tình như vậy sẽ xuất hiện ở đầu hay cuối, hoặc cả đầu cả cuối tác phẩm.

Với truyện *Chiếc bánh chưng*, Nguyễn Huy Tưởng chỉ trữ tình ở đầu tác phẩm: “Ngày tư chắc cũng có nhiều em ăn bánh chưng hàng, nhưng nó cũng như món quà thường, không có ý vị gì. Chỉ có bánh chưng ngày Tết mới thơm tho, mới ngon lành, mới quý. Nó là phần thưởng của công cày sâu cuốc bẫm, nó là tinh hoa của mùa màng. Nó còn đượm mùi đồng lúa; nó là kết quả của công sấm sửa, công gói, công đun của cả một gia đình trong muôn vàn gia đình chăm chỉ ở xứ sở Việt Nam ta. Cho nên tôi, riêng tôi, chỉ quý, chỉ yêu bánh chưng ngày Tết do cha mẹ tôi gói, do anh em tôi

đun, những ngày gần hết năm, dưới con mắt che chở của tổ tiên”.

Ngược lại, trong *Hai bàn tay chiến sĩ* và *Con Cóc là cậu ông Giời*, phương thức trữ tình ngoại đề được thực hiện ở cả đầu và cuối truyện:

- *Hai bàn tay chiến sĩ*: “Tôi còn nhớ Hội nghị chiến sĩ toàn quân đầu năm 1952. Bấm lên báo cáo thành tích trước Hội nghị. Cả hội trường cảm động nhìn đôi bàn tay tàn tật của anh. Đôi bàn tay còng queo, teo lại. Các ngón tay đều cụt, một hai ngón còn lại thì đại đờ như mấy cây trụi trong một cái vườn đã cháy hết” (đầu truyện); “Các em, đến đây tôi tạm ngừng câu chuyện chiến sĩ Bấm. Chắc chắn rằng khi nghe kể, các em rất căm thù những kẻ độc ác đã hủy hoại đôi bàn tay của một con người. Đồng thời các em cũng thấy rõ cái giá trị của đôi bàn tay. Biết bao nhiêu bàn tay đã bị trụi, bị cụt như tay anh Bấm để mở cho chúng ta cuộc sống hòa bình ngày nay. Chúng ta đang sống trong một xã hội không ai có quyền hủy hoại bàn tay của người khác. Mọi người quý trọng bàn tay của mọi người” (cuối truyện).

- *Con Cóc là cậu ông Giời*: “Các em hãy trông con cóc kia. Hình thù nó xấu. Da nó sần sùi. Người ta có cảm tưởng rằng nó rất bẩn. Có người vừa thấy nó là đã rú lên rồi. Cóc sống một cuộc đời tối tăm. Nó không muốn lộ ra ngoài, hình như nó cũng thấy rằng nó không được đẹp mắt cho lắm. Nhưng khoan! Đừng ghét nó mà tội nghiệp” (đầu truyện); “Từ đấy mỗi khi cóc

nghiến răng thì thường thường là giò mưa xuống. Cóc oai như thế nên các cụ ta còn gọi Cóc là cậu ông Giời. Các cụ còn khuyên mọi người không nên đánh cóc. Tuy xấu xí nhưng nó rất có công và tốt bụng” (cuối truyện).

Nội dung các trích đoạn trên là thông điệp cuộc sống mà nhà văn muốn truyền dạy cho các em. Cụ thể, đó là thái độ trân quý bánh chưng ngày Tết vì nó “mới thơm tho, mới ngon lành, mới quý”; là cách nhìn vật, nhìn người không qua hình thức, như con cóc “tuy xấu xí nhưng rất có công và tốt bụng”; và “không ai có quyền hủy hoại bàn tay của người khác”. Trong các thông điệp đó, từ láy xuất hiện ít nhưng gần như giữ vai trò “nhân tự”, thể hiện một cách khái quát nhất, cốt lõi nhất tư tưởng tình cảm của nhà văn.

Phổ biến hơn, đó là kết hợp biểu cảm với miêu tả, thông qua miêu tả nhà văn kín đáo gửi gắm tình cảm của mình vào trong từng câu chữ, trong đó có các từ láy. Chẳng hạn, trong đoạn văn nói về chị em Tám sau đây, chúng ta thấy rõ lòng yêu mến Tám của tác giả khi ông sử dụng hình thức miêu tả so sánh đối lập với sự tham gia của một số từ láy chỉ phẩm chất con người: “Má Tám trắng hồng hồng, mặt Cám thì sần sùi da cóc (...). Tám chăm chỉ, ngoan ngoãn, lễ phép, thực thà bao nhiêu, thì Cám lười biếng, bướng bỉnh, hỗn láo, gian xảo bấy nhiêu...” (*Truyện Tám Cám*). Hoặc, trong những câu chữ sau, người đọc cảm nhận được sự đồng cảm sâu xa của

nhà văn trước nỗi đau da thịt mà nhân vật Bẩm đang trải qua: “Hai bàn tay bị đốt quấy quấy. Anh thít lên. Hai hàm răng anh nghiến lại. Thịt anh bắt đầu cháy xèo xèo, khét khét như mùi súc vật bị thui”; “Anh đành chống tay xuống cát, chịu đựng sự hành hạ của đàn kiến lửa. Nước mắt Bẩm chảy ròng ròng” (*Hai bàn tay chiến sĩ*)... Trong trường hợp này, sự tỏa sáng của từ láy rất cần tới nghệ thuật sử dụng khéo léo của nhà văn. Đối với người đọc, ngoài việc ngấm từ trong ngữ cảnh còn cần phải biết hệ thống, gắn kết các từ lại với nhau để thông tin miêu tả và biểu cảm được tiếp nhận đầy đủ, trọn vẹn hơn.

3. KẾT LUẬN

Xuất phát từ yêu cầu miêu tả và biểu cảm, Nguyễn Huy Tưởng đã sử dụng một số lượng lớn từ láy trong truyện thiếu nhi của ông. Điều đó đảm bảo cho từ láy trở thành một thành phần cơ bản trong hệ thống ngôn ngữ truyện thiếu nhi.

Đặc điểm chung của hệ thống từ láy trong truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng là sự áp đảo của các từ láy đôi, sự quen thuộc và sáng rõ về mặt ý nghĩa từ vựng. Các từ láy đã được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng vào việc tái hiện bức tranh đời sống lao động và chiến đấu của cha ông xưa cũng như nay. Trên cơ sở miêu tả đó, các từ láy cũng đồng thời truyền tải thái độ, tình cảm của nhà văn đối với con người và hiện thực. Tựu trung, đó là tình cảm tự hào, mến yêu của nhà văn đối với các giá trị vật chất, tinh thần do

cha ông tạo dựng và lưu truyền cho muôn đời.

Việc sử dụng từ láy một cách thường xuyên đã góp phần làm nên lớp văn miêu tả trong truyện thiếu nhi Nguyễn Huy Tưởng. Điều đó khiến cho tác

phẩm của ông mang phong cách truyện ngắn hiện đại, phù hợp và hấp dẫn thật sự đối với bạn đọc thiếu nhi. Đây là một kinh nghiệm tốt, hữu ích đối với việc rèn dạy học sinh làm văn miêu tả trong bối cảnh giáo dục hiện nay. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hà Quang Năng. 2005. *Dạy và học từ láy trong nhà trường phổ thông*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Lê Huy Anh. 2001. “Truyện *Tìm mẹ*”, *Nguyễn Huy Tưởng khát vọng một đời văn*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
3. Nguyễn Huy Tưởng. 2013. *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*. Hà Nội: Nxb. Kim Đồng.
4. Nguyễn Thị Huế. 2014. “Thế giới cổ tích của Nguyễn Huy Tưởng”, <http://hanoitv.vn>, truy cập ngày 6/9/2018.
5. Phong Thu. 1999. *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau cách mạng tháng Tám*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Tô Hoài. 2004. *101 truyện ngày xưa*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
7. Viện Ngôn ngữ học. 2001. *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm từ điển.
8. Viện Văn học. 2007. *Tuyển tập văn học dân gian*, Tập II, quyển 1. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.